

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 346/2024/DS-ST

Ngày 15-10-2024

V/v tranh chấp hợp đồng hội

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Đen.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trường

Ông Huỳnh Văn Tới

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 15 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 645/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 07 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2024/QĐXXST – DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn D. Sinh năm: 1969 (có mặt).

Bà Trần Thị P. Sinh năm: 1969 (ủy quyền cho ông D).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu C (vắng mặt).

Bà Nguyễn Phương T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn ông Trần Văn D, bà Trần Thị P trình bày:**

Ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T mở hội làm chủ đầu thảo và ông Trần Văn D, bà Trần Thị P tham gia đây hội sau:

Hội 5.000.000 đồng khai ngày 09/9/2019 âm lịch gồm 16 chân, 03 tháng khai 01 lần, ông D, bà P chơi 01 chân đóng được 9 lần thì ông C, bà T tuyên bố bẻ hội, sau khi bẻ hội ông D, bà P có yêu cầu ông C, bà T trả tiền hội nhưng ông C, bà T không trả, nay ông D, bà P khởi kiện yêu cầu ông C bà T trả số tiền hội là 9 lần hội x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng.

**- Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hội và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp hội” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và danh sách hội viên, đơn xác nhận của những hội viên chơi chung hội với nguyên đơn và bị đơn như bà Trần Thị B, bà Lê Thị N, bà Lâm Ngọc N1, xác nhận của chính quyền địa phương mà nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn có tham gia chơi hội do bị đơn mở hội được 9 lần hội x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng thì bị đơn tuyên bố bẻ hội.

Qua lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ thì có căn cứ xác định thực tế bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 45.000.000 đồng chưa thanh toán là đúng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp cho bị đơn biết việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ hội theo thỏa thuận giữa chủ hội và hội viên nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hội 45.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền hội là 45.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, họ, họ, họ, họ, họ; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn D, bà Trần Thị P. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Văn D, bà Trần Thị P số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

*Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T phải nộp là 2.250.000 đồng.

- Nguyên đơn ông Trần Văn D, bà Trần Thị P đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 0005275 ngày 08/07/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

**T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Đen**

